

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2022

DANH SÁCH ĐIỂM THI
PHẦN VI: TÌNH HÌNH NHIỆM VỤ ĐỊA PHƯƠNG
LỚP TCLLCT-HC HỆ KTT KHÓA 14, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Vũ Thị Quỳnh Anh	1	84	8,0	Tám	
2	Bùi Thị Tú Anh	2	83	7,0	Bảy	
3	Trần Tuấn Anh	3	-	-	-	Vắng thi
4	Lê Thị Vân Anh	4	82	7,5	Bảy rưỡi	
5	Nguyễn Thị Thanh Bình	5	81	7,5	Bảy rưỡi	
6	Phạm Thị Châm	6	80	7,5	Bảy rưỡi	
7	Trần Thị Thùy Chi	7	79	8,0	Tám	
8	Triệu Văn Chính	8	78	7,0	Bảy	
9	Nguyễn Văn Công	9	77	7,5	Bảy rưỡi	
10	Vũ Mạnh Cường	10	76	7,0	Bảy	
11	Hoàng Đức Dân	11	75	7,0	Bảy	
12	Trần Văn Diện	12	74	7,0	Bảy	
13	Đào Văn Doanh	13	73	7,0	Bảy	
14	Nguyễn Văn Dũng	14	72	7,5	Bảy rưỡi	
15	Nguyễn Văn Duy	15	71	7,0	Bảy	
16	Chu Thị Duyên	16	70	8,0	Tám	
17	Hoàng Công Định	17	69	7,5	Bảy rưỡi	
18	Phạm Thị Định	18	68	8,0	Tám	
19	Hoàng Văn Giang	19	67	7,0	Bảy	
20	Hoàng Mai Giang	20	66	7,0	Bảy	
21	Chu Thị Thanh Giang	21	65	7,5	Bảy rưỡi	
22	Đỗ Thị Hạnh	22	64	8,0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Hoàng Thị Hạnh	23	63	8,0	Tám	
24	Đàm Thị Hằng	24	62	7,5	Bảy rưỡi	
25	Nguyễn Thị Hảo	25	61	7,5	Bảy rưỡi	
26	Phan Thị Hiền	26	60	7,0	Bảy	
27	Dương Thị Hiệp	27	59	7,5	Bảy rưỡi	
28	Trần Trung Hiếu	28	58	7,5	Bảy rưỡi	
29	Lê Thị Quế Hoa	29	57	7,5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Ngọc Hoa	30	56	7,0	Bảy	
31	Nguyễn Thị Hồng	31	-	-	-	Vắng thi
32	Nguyễn Thị Hoa Hồng	32	55	7,5	Bảy rưỡi	
33	Trần Thị Huế	33	54	7,5	Bảy rưỡi	
34	Đàm Thị Thu Huệ	34	53	8,0	Tám	
35	Nguyễn Tiến Hùng	35	52	8,0	Tám	
36	Hoàng Thị Thu Hương	36	-	-	-	Vắng thi
37	Lê Lan Hương	37	51	8,0	Tám	
38	Lương Thị Thu Hương	38	50	7,5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Thị Hương	39	49	8,0	Tám	
40	Trần Duy Hưởng	40	48	7,5	Bảy rưỡi	
41	Nguyễn Hạnh Huyền	41	47	7,0	Bảy	
42	Nguyễn Thị Huyền	42	46	7,0	Bảy	
43	Đặng Văn Lân	43	45	7,0	Bảy	
44	Bùi Thị Hồng Lê	44	44	8,0	Tám	
45	Trần Thị Liên	45	43	7,5	Bảy rưỡi	
46	Nguyễn Thị Hồng Linh	46	42	7,0	Bảy	
47	Nguyễn Thị Mỹ Linh	47	41	7,5	Bảy rưỡi	
48	Lê Thị Ngọc Linh	48	-	-	-	Vắng thi
49	Trương Thị Loan	49	40	8,0	Tám	
50	Nguyễn Thị Triệu Loan	50	39	8,0	Tám	
51	Hoàng Thị Thu Loan	51	38	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
52	Dương Thị Khánh Ly	52	37	8,0	Tám	
53	Dương Thị Lý	53	36	8,0	Tám	
54	Lê Thị Mến	54	35	8,0	Tám	
55	Lê Minh	55	34	7,0	Bảy	
56	Đặng Quang Minh	56	33	7,0	Bảy	
57	Phạm Phương Nam	57	32	7,0	Bảy	
58	Đào Thị Nga	58	31	7,5	Bảy rưỡi	
59	Đinh Thị Ngân	59	30	7,5	Bảy rưỡi	
60	Lê Bảo Ngọc	60	29	7,5	Bảy rưỡi	
61	Lương Thị Nhân	61	28	7,5	Bảy rưỡi	
62	Lương Thị Oanh	62	27	7,5	Bảy rưỡi	
63	Nguyễn Thị Lệ Quyên	63	26	7,5	Bảy rưỡi	
64	Triệu Văn Quyên	64	24	7,0	Bảy	
65	Nông Thị Quỳnh	65	25	8,0	Tám	
66	Tạ Quang Thắng	66	23	7,5	Bảy rưỡi	
67	Nguyễn Phương Thảo	67	22	7,5	Bảy rưỡi	
68	Hà Thị Thuận	68	21	7,5	Bảy rưỡi	
69	Phan Văn Thịnh	69	20	7,5	Bảy rưỡi	
70	Phạm Thị Thơ	70	19	7,5	Bảy rưỡi	
71	Trần Thị Thương	71	18	8,0	Tám	
72	Nguyễn Phương Thùy	72	17	7,5	Bảy rưỡi	
73	Chu Thanh Thủy	73	16	8,0	Tám	
74	Lê Thị Chung Thủy	74	15	7,0	Bảy	
75	Phạm Thị Toàn	75	14	7,5	Bảy rưỡi	
76	Đỗ Huy Trinh	76	13	7,5	Bảy rưỡi	
77	Nguyễn Thị Thùy Trinh	77	12	8,0	Tám	
78	Vũ Văn Trung	78	11	7,0	Bảy	
79	Đỗ Huy Trường	79	10	7,0	Bảy	
80	Triệu Văn Tuấn	80	09	7,0	Bảy	
81	Nguyễn Thị Tươi	81	08	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
82	Trần Văn Tuyên	82	07	7,0	Bảy	
83	Đào Văn Ước	83	06	7,0	Bảy	
84	Trịnh Hồng Uyên	84	05	8,0	Tám	
85	Nguyễn Hồng Vân	85	04	8,0	Tám	
86	Nguyễn Xuân Vinh	86	03	7,0	Bảy	
87	Trần Văn Vịnh	87	02	7,0	Bảy	
88	Dương Thị Hải Yến	88	01	7,5	Bảy rưỡi	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Vân

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên

